

**CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT THIÊN TÂM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT THIÊN TÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN TAM FURNITURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109380769

**3. Ngày thành lập:** 15/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 22B, Ngõ 116, phố Đại T , Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                         | 3100     |
| 2.  | Sản xuất máy móc, thiết bị                                                                                                                            | 3312     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị điện                                                                                                                                | 3314     |
| 4.  | Xây dựng nhà ở                                                                                                                                        | 4101     |
| 5.  | Xây dựng nhà không ở                                                                                                                                  | 4102     |
| 6.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                         | 4211     |
| 7.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                          | 4212     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                 | 4321     |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí                                                                                 | 4322     |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                        | 4329     |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                        | 4330     |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa (trên hoạt động của các nhà đấu giá bán buôn)<br>- Môi giới mua bán hàng hóa | 4610     |
| 13. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trứng, tre, nứa) và động vật sống                                                                                 | 4620     |
| 14. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                  | 4641     |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                    | 4649     |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                       | 4659     |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                               | 4663     |
| 18. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                     | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm trọng lượng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                 | 4711        |
| 20. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719        |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 23. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772        |
| 24. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chỗ                                                                                                                     | 4784        |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510        |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 27. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thu ngân xuyên suốt khách hàng                                                                                             | 5621        |
| 28. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630        |
| 29. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                          | 7410(Chính) |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển              | 7730        |
| 31. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                 | 8110        |
| 32. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                   | 8121        |
| 33. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                   | 8130        |
| 34. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                   | 9524        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần             | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ NHÀI    | T 6, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | C phần ph thông          | 38.000     | 380.000.000           | 38,000    | 037191002209                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | C phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | C phần ưu đãi c t c      | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | C phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các c phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | T ng số                  | 38.000     | 380.000.000           | 38,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                          |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG MINH TUYẾN | Thôn Nhồi Lư i, Xã C Loa, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | C phần ph thông          | 31.000     | 310.000.000           | 31,000    | 012982455                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | C phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | C phần ưu đãi c t c      | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | C phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các c phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | T ng số                  | 31.000     | 310.000.000           | 31,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                          |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |            |                                                                                   |                          |        |             |        |              |  |
|---|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 3 | LÃ MINH LÝ | Tiểu khu Đại Nam, Thị trấn Phú Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | C phần ph thông          | 31.000 | 310.000.000 | 31,000 | 001197013589 |  |
|   |            |                                                                                   | C phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |            |                                                                                   | C phần ưu đãi c t c      | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |            |                                                                                   | C phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |            |                                                                                   | Các c phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |            |                                                                                   | T ng số                  | 31.000 | 310.000.000 | 31,000 |              |  |
|   |            |                                                                                   |                          |        |             |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ NHÀI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng minh cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng minh cá nhân: 037191002209

Ngày cấp: 12/08/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân Cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chức hiện tại: Số nhà 22B, ngõ 116, phố Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội